

Name: .....

Vocabulary &amp; Grammar: .....

Class: S4...

Listening: .....

Tel: 034 200 9294

Mini Test: .....



Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

**GLOBAL ENGLISH 4****Unit 6: Going places - Vocabulary 2 & KET Listening****A. VOCABULARY**❖ **Road safety**

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	<b>pedestrian crossing</b> (n) = <b>crosswalk</b> (n)	vạch qua đường, lối dành cho người đi bộ	3	<b>wear</b> (v) = <b>put on</b> (phr.v)	mặc, đội, đeo (quần áo, dây an toàn,...)
2	<b>seatbelt</b> (n)	dây an toàn (ô tô)	4	<b>take (something) off</b> (phr.v)	cởi, tháo (quần áo, dây an toàn,...)

❖ **Travel**

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	<b>ferry</b> (n)	bến, phà	7	<b>cable</b> (n)	dây cáp
2	<b>motorbike</b> (n)	xe máy	8	<b>harness</b> (n)	dây đai an toàn (leo núi)
3	<b>tram</b> (n)	tàu điện	9	<b>picnic site</b> (n)	khu vực dã ngoại
4	<b>hike</b> (n/v)	chuyến đi bộ đường dài/đi bộ đường dài	10	<b>sports centre/center</b> (n)	trung tâm thể thao
5	<b>zipwire</b> (n)	dây cáp trượt	11	<b>theme park</b> (n)	công viên giải trí
6	<b>canyon</b> (n)	hẻm núi	12	<b>metro station</b> (n)	ga tàu điện ngầm

❖ **Extra vocabulary**

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	<b>electricity</b> (n)	điện	5	<b>telephone</b> (v)	gọi điện thoại
2	<b>terrifying</b> (adj)	đáng sợ, kinh hoàng	6	<b>notice board</b> (n.phr)	bảng thông báo
3	<b>journey</b> (n)	hành trình	7	<b>discussion</b> (n)	cuộc thảo luận
4	<b>destination</b> (n)	điểm đến	8	<b>cafeteria</b> (n)	quán ăn tự phục vụ

❖ **Note:** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr. v = phrasal verb: cụm động từ;**n.phr = noun phrase: cụm danh từ; adj = adjective: tính từ.*❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.**B. HOMEWORK.****I. Complete the words or phrases based on the clues below.**

0. far away from cities or people

→ R E M O T E

1. a strong cable that people slide along for fun or adventure

→ Z \_ \_ P \_ \_ I R \_ \_

2. a large, deep valley with high sides → \_\_\_\_ A N \_\_\_\_ N
3. a thick wire used to carry electricity → C \_\_\_\_ B L \_\_\_\_
4. straps used to keep a person safe when climbing → H \_\_\_\_ R N \_\_\_\_ S
5. a boat that takes people or vehicles across water → F \_\_\_\_ R \_\_\_\_

II. Fill in the blanks with the correct words in the box. Some words will not be used.

<del>ferry</del>	put on	theme park	metro station
seatbelts	takes off	wears	motorbike

0. Almost all the passengers on the ferry were French.

- When it is dark, my dad always \_\_\_\_\_ reflective coat.
- She \_\_\_\_\_ her rings to do the washing-up, and now she cannot find them.
- Hurry up! \_\_\_\_\_ your shoes!
- When we travel by car, we always tight our \_\_\_\_\_.
- Children love the games at the \_\_\_\_\_.

III. Circle the correct answer.

- You should / mustn't cross the road carefully at the pedestrian crossing.
- We get / mustn't to the sports centre early if we want good seats.
- You must not / should get enough water before hiking to the picnic site.
- He gets / should off the tram at the next stop to reach his destination.
- You mustn't / should get onto the ferry without a ticket; it is not allowed.
- They may should / get lost if they don't use the map at the metro station.

IV. Make sentences with given words.

- picnic site → \_\_\_\_\_.
- motorbike → \_\_\_\_\_.
- theme park → \_\_\_\_\_.
- hike → \_\_\_\_\_.

**Part 3**

– 5 questions –

Emma has a lot of things in her treasure box. Where did she find each thing?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



ticket

B



pen



leaf



stamp



video



butterfly



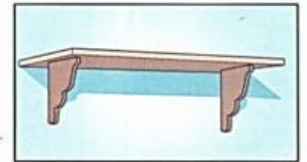
A



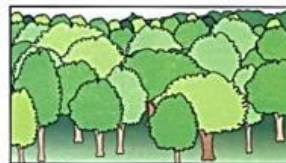
B



C



D



E



F



G



H





Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/succeed-in-a2-key-test-2-part-2>

## I. Classwork

### Part 2: Questions 6-10

From questions 6 - 8, choose the correct answer. From questions 9 - 10, write the correct answer in the gap. Write ONE WORD or a number or a date or a time.

You will hear a man leaving his friend a message about a car.

#### ❖ Detailed questions

New car	
Meeting place:	<u>Cafeteria</u>
Email address:	(6) _____@mail.com
When to meet:	(7) _____

#### ❖ General questions

**Note:** For general questions, listen to the entire track.

#### (8) What is the main focus of the listening?

- A. Information about a car for sale.
- B. Instructions on using a notice board.
- C. A discussion about bike prices.

#### (9) What does the speaker mention about the seller?

- A. She is asking for £4,800 but won't lower the price.
- B. She bought the car for £5,600 last year.
- C. She is not available to meet in the evenings.

#### (10) What does Samuel think about the car?

- A. He thinks it's a good deal.
- B. He thinks the car is too expensive.
- C. He is unsure about the car's condition.

## II. Homework

### Part 2: Questions 6-10

For each question, write the correct answer in the gap. Write ONE WORD or a number or a date or a time.

You will hear a man leaving his friend a message about a car.

#### New car

Meeting place: Cafeteria

The ad placed at: (6) the college \_\_\_\_\_ board

Price: (7) £ \_\_\_\_\_

Bought: (8) 13<sup>th</sup> \_\_\_\_\_

Phone number: (9) \_\_\_\_\_

In-class: (10) \_\_\_\_\_

#### ❖ Extra vocabulary for Cambridge Listening Practice

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1			5		
2			6		
3			7		
4			8		